

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 7 – 2024.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thành.

2. Ông Phan Văn Ký.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà:** Ông Phan Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1984. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Thanh Q, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Võ Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 24/5/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại X được một thời gian đến khi con trai lớn của vợ chồng được khoảng 12, 13 tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Q đánh chị T, lúc này chị T bỏ về nhà cha mẹ của chị T ở xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên để sinh sống, sau đó mẹ anh Q và anh Q năn nỉ nên chị T bỏ qua và quay về tiếp tục sống chung với anh Q. Đến năm 2021, anh Q tiếp tục quan hệ ngoại tình với

người phụ nữ khác, vợ chồng lại thường xuyên cãi nhau, lúc này chị T và các con bỏ về nhà cha mẹ của chị T để sinh sống từ đó cho đến nay.

Thời gian qua vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị T xác định không còn tình cảm với anh Q, không còn tôn trọng, tin tưởng và không thể tiếp tục sống chung với anh Q nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: có 02 con chung, tên: Trần Võ Quang V, sinh ngày 16/11/2004 và Trần Võ Quang V1, sinh ngày 16/7/2007. Hiện nay cháu V đã thành niên, có khả năng lao động, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết và có yêu cầu nuôi cháu V1, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu V1.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Bị đơn anh Trần Thanh Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q. Về con chung: giao con chung tên Trần Võ Quang V1, sinh ngày 16/7/2007 cho chị T nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Trần Võ Quang V, sinh ngày 16/11/2004 đã thành niên, có khả năng lao động, chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung đối với anh Q. Bị đơn anh Trần Thanh Q cư trú tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt (BL 26), bị đơn anh Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T xác định có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với anh Q, được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyền số 09, ngày 24/5/2004 (BL 03), đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh Q đánh chị T, chị T bỏ về nhà cha mẹ của chị T ở xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên sinh sống, sau đó mẹ anh Q và anh Q năn nỉ nên chị T bỏ qua và quay lại sống với anh Q. Đến năm 2021, anh Q tiếp tục quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng lại thường xuyên cãi nhau, chị T và các con đã bỏ về nhà cha mẹ của chị Thủy sinh s từ đó cho đến nay. Thời gian qua vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị T xác định không còn tình cảm với anh Q, không còn tôn trọng, tin tưởng và không thể tiếp tục sống chung với anh Q, chị T yêu cầu ly hôn với anh Q.

Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh Q đã cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án. Tại biên bản xác minh lập ngày 03/5 và 29/5/2024 (BL 32+33+34) bà Phạm Thị L (*mẹ ruột của anh Q*) cung cấp: T và Q có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do Q đi làm thuê có phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chỉ là tình cảm qua đường, không được gia đình chấp nhận, dẫn đến T và Q cãi nhau, T đã chuyển về xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên để sinh sống.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung, tên: Trần Võ Quang V, sinh ngày 16/11/2004 và Trần Võ Quang V1, sinh ngày 16/7/2007.

Xét thấy cháu V1 đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống với chị T (BL 22), chị T yêu cầu nuôi cháu V1 và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu V1, anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T. Riêng cháu V đã thành niên, có khả năng lao động, chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kim T đối với anh Trần Thanh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Quang V1, sinh ngày 16/7/2007 cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu V1. Riêng cháu Trần Võ Quang V, sinh ngày 16/11/2004 đã thành niên, có khả năng lao động, chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Kim T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000266 ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Thịnh, TX. Sông Cầu (giấy CNKH số 19, quyển số 09, ngày 24/5/2004)
- Lưu hồ sơ (2);
- Ấn Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

